

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN  
VIỄN ĐÔNG**

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*và Báo cáo của Ban giám đốc*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 21

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## CÔNG TY

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (tên cũ: Công ty cổ phần xe đạp xe máy Sài Gòn) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 và thay đổi lần thứ 9 vào ngày 27 tháng 09 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại – nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách, văn phòng phẩm.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty là **10.150.551.296** đồng.

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

### Hội đồng quản trị

- |                           |              |
|---------------------------|--------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Thu      | Chủ tịch     |
| 2. Ông Võ Nguyên Khôi     | Phó chủ tịch |
| 3. Bà Nguyễn Thị Việt Anh | Phó chủ tịch |
| 4. Ông Bùi Quang Khoa     | Thành viên   |
| 5. Ông Bùi Nam Long       | Thành viên   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Ông Bùi Quang Minh

Thành viên

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

#### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

##### Ban giám đốc

1. Ông Bùi Nam Long	Tổng giám đốc
2. Ông Nguyễn Thế Phụng	Giám đốc sản xuất
3. Ông Võ Hồng Sơn	Giám đốc kinh doanh
4. Bà Mai Thị Trúc Giang	Giám đốc tài chính
5. Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển

##### Ban kiểm soát và kế toán trưởng

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Bông	Thành viên
4. Võ Trần Quốc	Kế toán trưởng

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc



Bùi Nam Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2011



**CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM  
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935  
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số:11-2-029/CPAHANOI/HCM

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 21.

Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

#### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

#### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

  
**Tô Quang Tung**  
Giám đốc chi nhánh  
Số đăng ký: 0270/KTV

  
**Tô Đình Hoài**  
Kiểm toán viên  
Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.997.844.924</b>	<b>62.082.918.623</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>1.408.211.537</b>	<b>2.381.028.294</b>
1. Tiền	111		1.408.211.537	1.366.240.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.014.787.584
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.753.983.387</b>	<b>30.099.758.931</b>
1. Phải thu khách hàng	131		37.453.810.348	29.586.779.318
2. Trả trước cho người bán	132		40.676.814	102.173.000
3. Các khoản phải thu khác	135		259.496.225	410.806.613
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.085.162.423</b>	<b>29.525.031.398</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>4</b>	21.085.162.423	29.525.031.398
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>750.487.577</b>	<b>77.100.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		442.413.931	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ			267.673.646	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		40.400.000	77.100.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.018.447.691</b>	<b>52.996.259.020</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.289.235.881</b>	<b>3.699.837.568</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	3.274.900.248	3.679.036.246
- Nguyên giá	222		11.471.333.363	11.412.404.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.196.433.115)	(7.733.368.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>5</b>	24.533.333	16.181.322
- Nguyên giá	228		241.351.000	215.751.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.817.667)	(199.569.678)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		<b>6</b>	12.989.802.300	4.620.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>57.687.719.452</b>	<b>49.296.421.452</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	251	<b>8.1</b>	1.666.728.800	1.666.728.800
2. Đầu tư dài hạn khác	252	<b>8.2</b>	59.102.511.652	50.544.292.652
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	258	<b>8.2</b>	(3.081.521.000)	(2.914.600.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.492.358</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		41.492.358	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>135.016.292.615</b>	<b>115.079.177.643</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.408.562.319</b>	<b>40.747.230.919</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.850.361.328</b>	<b>39.943.866.474</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	200.841.111	200.841.111
2. Phải trả người bán	312		17.300.950.270	36.054.467.745
3. Người mua trả tiền trước	313		98.183.344	1.002.066.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	725.451.406	1.576.037.862
5. Phải trả người lao động	315		394.374.167	648.958.849
6. Chi phí phải trả	316		15.140.463	18.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	1.588.126.972	346.943.416
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		527.293.595	96.550.839
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.558.200.991</b>	<b>803.364.445</b>
1. Vay và nợ dài hạn	333	11	7.558.200.991	803.364.445
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.607.730.296</b>	<b>74.331.946.724</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>106.607.730.296</b>	<b>74.331.946.724</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12	87.000.000.000	63.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12	4.800.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	12	3.526.899.032	804.922.413
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	12	1.130.279.969	454.059.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12	10.150.551.295	10.072.965.265
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>135.016.292.615</b>	<b>115.079.177.643</b>



Võ Trần Quốc

Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 02 năm 2011



Bùi Nam Long

Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	225.295.828.248	174.298.339.274
2. Các khoản giảm trừ	03		296.659.037	329.961.849
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>224.999.169.211</b>	<b>173.968.377.425</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	14	209.945.352.176	161.275.610.530
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.053.817.035</b>	<b>12.692.766.895</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	2.311.648.101	5.632.805.583
7. Chi phí tài chính	22	16	354.286.534	(207.942.639)
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		75.148.693	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.561.196.283	1.854.176.474
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.413.234.955	1.885.698.652
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.036.747.364</b>	<b>14.793.639.991</b>
11. Thu nhập khác	31		990.338.176	1.061.035.322
12. Chi phí khác	32		240.304.992	874.115.028
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>750.033.184</b>	<b>186.920.294</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.786.780.548</b>	<b>14.980.560.285</b>
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.636.229.252	1.764.195.020
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.150.551.296</b>	<b>13.216.365.265</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>1.226</b>	<b>2.343</b>



Võ Trần Quốc  
Kế toán trưởng  
Ngày 21 tháng 02 năm 2011



Bùi Nam Long  
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>12.786.780.548</b>	<b>14.980.560.285</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		621.383.987	621.461.719
- Các khoản dự phòng	03		166.921.000	(228.800.000)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.250.000.000)	(5.596.290.986)
- Chi phí lãi vay	06		75.148.693	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.400.234.228</b>	<b>9.776.931.018</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(8.327.612.033)	(1.661.362.872)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		8.439.868.975	5.594.433.537
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(31.700.481.960)	(20.955.257.563)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(41.492.358)	151.113.481
- Tiền lãi vay đã trả	13		(75.148.693)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.382.602.462)	(444.580.352)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(197.802.244)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.687.234.303)</b>	<b>(7.736.524.995)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(225.600.000)	(282.820.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	46.333.334
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.558.219.000)	(46.523.850.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	48.129.765.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.250.000.000	423.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.533.819.000)</b>	<b>1.792.428.334</b>

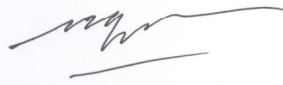
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		28.800.000.000	8.152.420.000
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.130.000)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.955.677.657	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.200.841.111)	(200.841.111)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.306.600.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>29.248.236.546</b>	<b>7.949.448.889</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(972.816.757)</b>	<b>2.005.352.228</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.381.028.294</b>	<b>375.676.066</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>1.408.211.537</b>	<b>2.381.028.294</b>



Võ Trần Quốc  
Kế toán trưởng  
Ngày 21 tháng 02 năm 2011



Bùi Nam Long  
Tổng giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (tên cũ: Công ty cổ phần xe đạp xe máy Sài Gòn) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 và thay đổi lần thứ 9 vào ngày 27 tháng 09 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại – nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn sách, văn phòng phẩm.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

#### ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

#### ***Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

#### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong năm.

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 10 năm
Máy móc thiết bị	2 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	8 – 10 năm
Tài sản cố định vô hình	6 năm

### **Các khoản đầu tư liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa do chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### ***Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### ***Thuế***

#### *Thuế hiện hành*

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>37.371.742</b>	<b>259.625.792</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1.370.839.795</b>	<b>1.106.614.918</b>
Tiền gửi VND	1.366.926.730	1.104.654.010
Tiền gửi USD	3.913.065	1.960.000
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>1.014.787.584</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.408.211.537</b>	<b>2.381.028.294</b>

4. **HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên vật liệu	2.513.696.765	1.841.816.711
Công cụ dụng cụ	667.911.530	612.624.424
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	192.085.011	507.003.561
Thành phẩm	2.694.904.544	3.086.384.026
Hàng hóa	15.009.162.850	23.477.202.676
Hàng gửi đi bán	7.401.723	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.085.162.423</b>	<b>29.525.031.398</b>

5. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	215.751.000	215.751.000
Mua trong năm	25.600.000	-	25.600.000
Số dư cuối năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	199.569.678	199.569.678
Khấu hao trong năm	1.066.667	16.181.322	17.247.989
Số dư cuối năm	1.066.667	215.751.000	216.817.667
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	16.181.322	16.181.322
Tại ngày cuối năm	24.533.333	-	24.533.333

6. **XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công trình trường Việt Mỹ	12.989.802.300	4.620.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.989.802.300</b>	<b>4.620.000</b>

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.434.049.288	5.176.771.993	502.514.450	183.732.298	1.115.336.624	11.412.404.653
Mua trong năm	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(141.071.290)	-	-	-	(141.071.290)
Số dư cuối năm	<u>4.434.049.288</u>	<u>5.235.700.703</u>	<u>502.514.450</u>	<u>183.732.298</u>	<u>1.115.336.624</u>	<u>11.471.333.363</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.311.078.000	4.730.890.820	236.907.703	91.921.351	362.570.533	7.733.368.407
Khấu hao trong năm	276.483.168	132.248.820	55.520.004	27.245.358	112.638.648	604.135.998
Thanh lý, nhượng bán	-	(141.071.290)	-	-	-	(141.071.290)
Số dư cuối năm	<u>2.587.561.168</u>	<u>4.722.068.350</u>	<u>292.427.707</u>	<u>119.166.709</u>	<u>475.209.181</u>	<u>8.196.433.115</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	<u>2.122.971.288</u>	<u>445.881.173</u>	<u>265.606.747</u>	<u>91.810.947</u>	<u>752.766.091</u>	<u>3.679.036.246</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.846.488.120</u>	<u>513.632.353</u>	<u>210.086.743</u>	<u>64.565.589</u>	<u>640.127.443</u>	<u>3.274.900.248</u>



## 8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### 8.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty liên kết	Tỷ lệ vốn tham gia	Số cuối năm	Tỷ lệ vốn tham gia	Số đầu năm
Trường tiểu học dân lập Việt Mỹ	35%	875.000.000	35%	875.000.000
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông (*)	40%	791.728.800	30%	791.728.800
Trường trung học cơ sở Việt Mỹ (**)	40%	-	40%	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.666.728.800</b>		<b>1.666.728.800</b>

(\*) Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông: vốn phải góp theo giấy phép là 20.000.000.000 nhưng số thực góp đến 31 tháng 12 năm 2010 là 791.728.800 đồng.

(\*\*) Trường trung học cơ sở Việt Mỹ: vốn phải góp theo giấy phép là 4.000.000.000 đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 công ty chưa góp vốn vào Trường trung học cơ sở Việt Mỹ.

### 8.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tên công ty đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm	Số lượng cổ phiếu	Số đầu năm
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>59.102.511.652</b>		<b>50.544.292.652</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	570.170	9.011.289.000	143.000	4.745.000.000
Công ty cổ phần Chè Minh Rồng	24.300	1.215.000.000	24.300	1.215.000.000
Công ty cổ phần Chè Café Di Linh	20.000	600.432.652	20.000	600.432.652
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần TM Toàn Lực	2.250.000	22.500.000.000	2.250.000	22.500.000.000
Công ty cổ phần Sách Tây Đô	222.579	2.225.790.000	148.386	1.483.860.000
Công ty cổ phần In Khánh Hội	150.000	1.500.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hoàng Việt	360.000	4.050.000.000	82.353	1.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>(3.081.521.000)</b>		<b>(2.914.600.000)</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông (VID)		(3.081.521.000)		(2.914.600.000)

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	112.056.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	709.768.610	1.456.141.820
Thuế thu nhập cá nhân	15.682.796	7.840.009
<b>Tổng cộng</b>	<b>725.451.406</b>	<b>1.576.037.862</b>

**10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	23.462.470	20.374.598
Bảo hiểm xã hội	-	3.851.118
Phải trả cổ phần hóa	4.664.502	4.664.502
Phải trả phải nộp khác	1.560.000.000	318.053.198
<i>Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ</i>	<i>950.000.000</i>	-
<i>Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ</i>	<i>600.000.000</i>	-
<i>Sầm Thái Sơn</i>	<i>10.000.000</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.588.126.972</b>	<b>346.943.416</b>

**11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>7.759.042.102</b>	<b>1.004.205.556</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	6.955.677.657	-
Bộ tài chính (2)	803.364.445	1.004.205.556
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(200.841.111)</b>	<b>(200.841.111)</b>
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>7.558.200.991</b>	<b>803.364.445</b>

(1) Khoản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2010 để đầu tư dự án xây dựng Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ, lãi suất vay từ 15,8% đến 17,8%/năm, thời hạn vay 7 năm, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là các công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất, thiết bị thuộc dự án, giá trị vay tối đa 31.500.000.000 đồng. Theo quyết định 2849/QĐ-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh thì Công ty được Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh từ việc đầu tư xây dựng mở rộng Trường **Trung học cơ sở Việt Mỹ**.

(2) Tiền vay vốn của Bộ Tài Chính để đầu tư dây chuyền sản xuất lốp xe đạp, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không tính lãi vay. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2014.

## 12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 12.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	33,27%	28.945.520.000	7,85%	4.945.520.000
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	7,40%	6.441.000.000	23,24%	14.641.000.000
Các cổ đông khác	59,33%	51.613.480.000	68,91%	43.413.480.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>87.000.000.000</b>		<b>63.000.000.000</b>

### 12.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	24.000.000.000	13.002.130.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	(2.130.000)
+ Vốn góp cuối năm	87.000.000.000	63.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.306.600.000	5.000.000.000

### 12.3 Cổ phiếu

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.700.000	6.300.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.700.000	6.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.700.000	6.300.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.700.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.700.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.700.000	6.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.700.000	6.300.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

#### 12.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	-	(150.290.000)	114.823.000	137.942.429	3.486.985.846	53.589.461.275
Tăng vốn trong năm	13.002.130.000	-	150.290.000	-	-	-	13.152.420.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	13.216.365.265	13.216.365.265
Trích lập các quỹ	-	-	-	690.099.413	316.116.617	(1.322.332.647)	(316.116.617)
Giảm vốn trong năm	(2.130.000)	-	-	-	-	-	(2.130.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(308.053.199)	(308.053.199)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>63.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>804.922.413</b>	<b>454.059.046</b>	<b>10.072.965.265</b>	<b>74.331.946.724</b>
Tăng vốn trong năm	24.000.000.000	4.800.000.000	-	-	-	-	28.800.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	10.150.551.296	10.150.551.296
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.721.976.619	676.220.923	(4.074.418.466)	(676.220.924)
Tăng khác	-	-	-	-	-	308.053.200	308.053.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.306.600.000)	(6.306.600.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.526.899.032</b>	<b>1.130.279.969</b>	<b>10.150.551.295</b>	<b>106.607.730.296</b>

**12.5 Phân phối lợi nhuận***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.721.976.619	690.099.413
Trích quỹ dự phòng tài chính	676.220.923	316.116.617
Trích quỹ khen thưởng	676.220.923	316.116.617
Chia cổ tức	6.306.600.000	5.000.000.000
+ Bằng tiền	6.306.600.000	-
+ Bằng cổ phiếu	-	5.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.381.018.465</b>	<b>6.322.332.647</b>

**13 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>225.295.828.248</b>	<b>174.298.339.274</b>
Doanh thu bán hàng hóa	197.282.468.080	152.711.032.524
Doanh thu bán thành phẩm	26.336.862.784	21.287.482.703
Doanh thu dịch vụ	1.676.497.384	299.824.047
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(296.659.037)</b>	<b>(329.961.849)</b>
Chiết khấu thương mại	(204.004.362)	(156.456.786)
Hàng bán bị trả lại	(92.654.675)	(173.114.163)
Giảm giá hàng bán	-	(390.900)
<b>Tổng cộng</b>	<b>224.999.169.211</b>	<b>173.968.377.425</b>

**14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hóa	188.579.595.816	16.008.658.389
Giá vốn thành phẩm	19.598.483.631	144.886.893.489
Giá vốn dịch vụ	1.767.272.729	380.058.652
<b>Tổng cộng</b>	<b>209.945.352.176</b>	<b>161.275.610.530</b>

**15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.883.722	53.597.931
Lãi từ mua bán cổ phiếu	-	5.156.207.652
Cổ tức nhận được	2.250.000.000	423.000.000
Khác	3.764.379	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.311.648.101</b>	<b>5.632.805.583</b>

## 16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	166.921.000	(228.800.000)
Chi phí lãi vay	75.148.693	-
Phí chuyển tiền	64.508.253	7.877.361
Chênh lệch tỷ giá	47.708.588	12.980.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>354.286.534</b>	<b>(207.942.639)</b>

## 17 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11.528.018.428	7.419.799.200
Chi phí nhân công	2.771.717.992	2.749.221.627
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.217.448.018	1.509.702.104
Chi phí khấu hao	244.887.468	221.909.155
Chi phí bằng tiền khác	559.794.335	30.505.636
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.321.866.241</b>	<b>11.931.137.722</b>

## 18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán (1)	12.786.780.548	14.980.560.285

Thu nhập từ cổ tức được nhận (2)	2.250.000.000	423.000.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ (3)	8.136.460	-
<b>Thu nhập tính thuế (4) = (1) - (2) + (3)</b>	<b>10.544.917.008</b>	<b>14.557.560.285</b>
Thuế suất TNDN (5)	25%	25%
Thuế TNDN (6) = (4) x (5)	2.636.229.252	3.639.390.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	1.875.195.051
<b>Thuế thu nhập DN (13) = (12) – (11)</b>	<b>2.636.229.252</b>	<b>1.764.195.020</b>

## 19 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### a) Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

Đối tượng	Năm này	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị	131.833.600	120.000.000
Ban giám đốc	482.182.692	380.632.430
Ban kiểm soát	42.500.000	42.000.000
<b>Cộng</b>	<b>656.516.292</b>	<b>542.632.430</b>

### b) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán số dư của các bên liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	Phải trả	13.193.343.805
Công ty cổ phần thương mại Toàn Lực	Phải thu	20.933.074.664
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	Phải thu	2.965.051.995
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	Phải trả	903.536.000
Trường trung học cơ sở Việt Mỹ	Phải trả	600.000.000
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông	Phải thu	84.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**19. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**


**c) Giao dịch với các bên liên quan**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

Tên các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
<b>Công ty liên kết</b>		
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	Công ty cung cấp dịch vụ	836.701.818
	Công ty mượn tiền	1.350.000.000
Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	Công ty mượn tiền	700.000.000
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông	Công ty cung cấp dịch vụ	65.454.540
Công ty cổ phần TM Toàn Lực	Công ty bán hàng hóa, dịch vụ	60.526.370.628
	Công ty mua hàng hóa	78.188.785.138
	Công ty mượn tiền	2.500.000.000
	Công ty nhận cổ tức	2.250.000.000
<b>Cổ đông lớn</b>		
Công ty CP đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	Công ty mua hàng hóa	49.448.791.049
	Công ty bán hàng hóa	49.271.993.796
	Công ty mua dịch vụ	2.160.000.000
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty bán hàng hóa	9.993.703.098

  
Võ Trần Quốc  
Kế toán trưởng  
Ngày 21 tháng 02 năm 2011



  
Bùi Nam Long  
Tổng giám đốc